

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

**Tháng 04 (Đợt 1)**

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 02 – 03/4/2024

**Ngày cung cấp TT:** 04/4/2024

3. **Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Liên Mạc	Công Liên Mạc 1 và 2 mở 1 cánh.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở.
5	9	Công Lương Cồ	Công mở.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Công mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Công mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Công mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Công mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Công đóng.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 23 vị trí.

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

*Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:*

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Không có vị trí nào.*

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thường Tín.*

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Phú Lý – cầu Phù Vân, Kênh Duy Tiên, Kênh Hòa Bình.*

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên,*

**Không đạt mức D:** Cống Liên Mạc, Cầu Diễn, Đập Hà Đông, Cầu Tô, Cầu Xém, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Cầu Thần, Đập Nhật Tựu, Cống Lương Cỏ, Sông Đăm, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tác Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Cổng Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 75%, gió ĐB 6 km/h.  Dòng chảy rất chậm ra sông Hồng. Cổng Liên Mạc 1, 2 mở 1 cánh. Mực nước thấp. Nước màu xanh.	7.54	29.5	1.65	0.5	5.524	3.240	710	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	
2	Cầu Diên	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 49%, gió BTB 10 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Hai bên sông nhiều rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.09	28.6	0.3	0.6	36.286	1.845	917	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	
3	Đập Hà	Đánh giá chất	Trời nắng, nhiệt độ	7.03	25.2	0.2	0.6	44.988	2.408	897		

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Đông	lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đầm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	27°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 25%, gió BTB 8 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước trung bình. Nước màu đen. Hai bên sông có nhiều rác thải.								Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 29%, gió BTB 8 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.19	30.7	0.36	0.6	39.782	1.823	986	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Đập Thanh Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 22%, gió BTB 9 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp, hai bên sông có nhiều rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.25	28.2	0.41	0.6	31.469	2.363	891	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà,	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 12%, gió BTB 12 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Đập mờ. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.17	27.5	0.39	0.6	25.408	1.710	876	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Thường Tin và kênh Vân Đình vào.									
7	Cầu Thân	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời nắng, nhiệt độ 37°C, độ ẩm 36%, mật độ mây 0%, gió BDB 21 km/h.  Dòng chảy rất chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Nước màu nâu đen. Khu vực lấy mẫu đang pha giữa nước từ kênh Duy Tiên chảy ra và nước ô nhiễm từ thượng lưu sông Nhuệ về.	7.72	42.7	1.79	0.5	8.159	3.488	691	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu	Trời nắng, nhiệt độ 37°C, độ ẩm 36%, mật độ mây 0%, gió BDB 21 km/h.  Dòng chảy nhanh về	7.45	31.6	0.36	0.6	33.800	2.385	879	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đập.	hạ lưu, đập mở. Mục nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.								đạt mức B
9	Công Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí công.	Trời nắng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 44%, mật độ mây 0%, gió BĐB 23 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước ô nhiễm từ Nhật Tựu về đang được pha loãng. Nước màu xanh đen. Trên sông có nhiều bèo.	7.36	47.2	1.79	0.5	12.121	2.858	691	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu	Trời nắng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 44%, mật độ mây 0%, gió BĐB 23 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Đáy. Mực nước	7.4	32.7	4.06	0.4	1.678	1.935	572	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vào sông Đáy.	Trung bình. Nước màu xanh lục. Trên sông có nhiều bèo.								
11	Sông Đám	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 75%, gió ĐB 7 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen. Ngoài sông Nhuệ nước màu đen, dòng chảy sông Nhuệ xuôi về hạ lưu.	7.46	20.7	0.39	0.6	31.624	1.778	876	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 40%. gió BTB 9 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu đen,	7.29	27.5	0.57	0.6	31.469	2.633	882	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			mùi hôi thối.								
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 29%, gió BTB 8 km/h.  Không có dòng chảy. Đập đóng. Nước màu đen.	7.36	25.9	0.31	0.6	37.218	2.858	876	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 75%, gió ĐB 7 km/h.  Dòng chảy nhanh ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình, cống mở. Nước màu vàng xanh, mùi hôi thối.	7.41	34.6	0.7	0.6	25.408	2.385	906	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 44%, gió BTB	7.59	30.7	0.41	0.6	40.326	3.038	927	Chi tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tả sông Nhuệ, không chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	9 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở. Mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.								hiện trường DO không đạt mức B
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 44%, gió BTB 9 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở hể tiêu nước ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu xám đen.	7.26	41.6	0.52	0.6	35.509	2.363	901	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 45%, gió BTB 10 km/h. Dòng chảy chậm ra	7.3	45.7	0.37	0.6	37.451	2.678	859	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		chê nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen.								đạt mức B
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước công tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 40%, gió BTB 9 km/h.  Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.32	30.5	0.4	0.6	43.434	3.128	437	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 52%, mật độ mây 12%, gió BTB 12 km/h.  Dòng chảy chậm về	7.8	49.7	0.76	0.5	2.797	4.028	619	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		sông Đáy.	hướng sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu nâu đục. Dưới kênh nhiều rác thải.								
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời nắng, nhiệt độ 37°C, độ ẩm 36%, mật độ mây 0%, gió BĐB 21 km/h.  Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu nâu đục.	7.56	34.5	4.96	0.4	1.368	2.813	576	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 64%, mật độ mây 25%, gió BTB 8 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở tiêu nước, mực nước	7.49	40.7	0.42	0.6	27.739	3.938	946	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		khí đỏ ra sông Nhuệ.	thấp. Nước màu đen.								
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 22%, gió BTB 9 km/h.  Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, mực nước cao. Nước màu xanh, có hiện tượng bị phú dưỡng.	7.46	20.7	5.02	0.3	2.805	4.163	409	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nắng, nhiệt độ 28°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 29%, gió BTB 8 km/h.  Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước trong nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.07	25.4	4.47	0.4	1.461	3.083	564	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

**Ghi chú:**

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

**Nơi nhận:**

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2024

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*Chai桂 妍*